

Thái Nguyên, ngày 9 tháng 9 năm 2018

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

#### I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (Học phần 2)
  - Tên tiếng Anh: Fundamental Principles of Marxism and Leninism (Political economics and scientific socialism)
  - Mã học phần: MLP132
  - Số tín chỉ: 3
  - Điều kiện tham gia học tập học phần:  
*Môn học tiên quyết:*  
*Môn học trước:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 1)
  - *Bộ môn:* Lý luận chính trị
  - *Khoa:* Khoa học cơ bản
  - Phân bố thời gian: 9 tuần
  - Học kỳ: 2 năm thứ nhất
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Cơ bản <input type="checkbox"/>   |                                  | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> |                                  | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> |                                  |
|-----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>    | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>     | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt

#### II. Thông tin về giảng viên:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Làm việc tại bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên từ tháng 9 năm 2006 đến nay.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.
- Điện thoại, email: nguyenthihuyen@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: việc làm, đất đai, nông nghiệp, thu nhập hộ gia đình.
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email)

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Làm việc tại bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên từ tháng 9 năm 2006 đến nay.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.
- Điện thoại, email: nguyenthuycb@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: chính sách dân tộc, bình đẳng gia đình, hệ thống CT XHCN .
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email)

### 3. Họ và tên: Lê Quốc Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Làm việc tại bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên từ tháng 9 năm 2006 đến nay.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.
- Điện thoại, email: lequoctuan@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: tôn giáo, văn hóa, hệ thống CT XHCN .
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email)

### **III. Mô tả học phần:**

Học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –Lênin (Học phần 2) cung cấp cho ngành Phát triển nông thôn những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin trong hai bộ phận cấu thành của nó: Kinh tế học chính trị Mác –Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

### **IV. Mục tiêu và chuẩn đầu ra**

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác – Lênin; hiểu rõ cơ sở quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền tảng tư tưởng của Đảng; trên cơ sở đó xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng; vận dụng sáng tạo nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

| Mã HP   | Tên HP  | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|
|         |   | 1   | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| MLP 132 | Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin (HP2) | a   | - | - | - | - | - | - | - | - | -  | -  | -  | -  | -  | -  | b  | b  |

Ghi chú:

- a: mức đáp ứng cao
- b: mức đáp ứng trung bình
- c: mức đáp ứng thấp
- không đáp ứng
- Chuẩn đầu ra của học phần (theo thang đo năng lực của Bloom):

| Ký hiệu          | Chuẩn đầu ra của học phần<br>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được  | CĐR của CTĐT |
|------------------|---|--------------|
| <b>Kiến thức</b> |   |              |
| K 1              | Sinh viên phân tích được những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư.   | CĐR1         |
| K 2              | Sinh viên trình bày được những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về học thuyết kinh tế về Chủ nghĩa tư bản độc quyền và Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.   | CĐR1         |
| K 3              | Sinh viên khái quát được những quy luật kinh tế cơ bản của phương thức sản xuất TBCN từ giai đoạn hình thành đến giai đoạn phát triển cao và tất yếu sẽ suy tàn của nó, đồng thời làm phát sinh phương hướng sản xuất mới – phương thức sản xuất TBCN | CĐR1         |
| K 4              | Sinh viên phân tích được những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng XHCN.   | CĐR1         |
| K 5              | Sinh viên phân tích được những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về những vấn đề có tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN và CNXH hiện thực và triển vọng.                                      | CĐR1         |
| K 6              | Vận dụng các kiến thức đó vào trong thực tiễn đời sống.   | CĐR1         |
| <b>Kĩ năng</b>   |   |              |
| K 7              | Sinh viên có khả năng giao tiếp, tổ chức, làm việc độc lập,   | CĐR16        |

|                                     |   |       |
|-------------------------------------|---|-------|
|                                     | làm việc nhóm, trình bày các vấn đề đã thực hiện được trong môn học.  |       |
| K 8                                 | Sinh viên có khả năng viết và trình bày tài liệu.   | CĐR16 |
| K 9                                 | Sinh viên có kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu.  | CĐR16 |
| <b>Thái độ và phẩm chất đạo đức</b> |   |       |
| K 10                                | Sinh viên biết sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp, có thái độ trung thực thẳng thắn và cầu thị. | CĐR17 |

#### V. Phương pháp giảng dạy và học tập

##### 1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, nêu vấn đề
- Thảo luận nhóm.
- Phương pháp đàm thoại.

##### 2. Phương pháp học tập

- Sinh viên chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên nghe giảng.
- Sinh viên phát biểu đặt câu hỏi.
- Sinh viên thảo luận nhóm theo từng chuyên đề.

#### VI. Nhiệm vụ của sinh viên

##### - *Chuyên cần:*

- ✓ *Đối với giờ lý thuyết:* sinh viên tham gia ít nhất 80% số lượng tiết giảng.
- *Chuẩn bị cho bài giảng:* Sinh viên phải đọc trước các bài giảng và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan.
- *Thái độ:* Sinh viên tích cực tham gia thảo luận, xây dựng bài, đặt câu hỏi những vấn đề chưa hiểu, chăm chỉ hoàn thành bài tập được giao.

#### VII. Đánh giá và cho điểm

##### 1. Thang điểm: 10

##### 2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

**Bảng 1. Ma trận đánh giá CĐR của học phần**

| Các CĐR của học phần | Chuyên cần | Giữa kỳ | Cuối kỳ |
|----------------------|------------|---------|---------|
|                      | (20%)      | (30%)   | 50(%)   |
| K 1                  | X          | X       | X       |
| K 2                  | X          |         | X       |
| K 3                  | X          |         | X       |
| K 4                  | X          |         | X       |
| K 5                  | X          |         | X       |
| K 6                  | X          |         | X       |

|      |   |  |   |
|------|---|--|---|
| K 7  | X |  | X |
| K 8  | X |  | X |
| K 9  | X |  | X |
| K 10 | X |  | X |

**Bảng 2. Rubric đánh giá học phần**

*Lưu ý: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng*

**Rubric 1: Đánh giá chuyên cần**

| <b>TIÊU CHÍ</b>             | <b>TRỌNG SỐ (%)</b> | <b>TỐT (8,5-10)</b>  | <b>KHÁ (7,0-8,4)</b>  | <b>TRUNG BÌNH (5,5-6,9)</b>   | <b>TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)</b>  | <b>KÉM &lt;4,0</b>  |
|-----------------------------|---------------------|--|---|---|--|---|
| <b>Tham dự các buổi học</b> | 80                  | Tham dự đầy đủ các buổi học  | Vắng 3 tiết   | Vắng 6 tiết   | Vắng 9 tiết  | Vắng trên 9 tiết  |
| <b>Ý thức học tập</b>       | 20                  | Tích cực xây dựng bài Chuẩn bị bài trước khi đến lớp Tích cực thảo luận nhóm | Tương đối tích cực phát biểu xây dựng bài, chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham gia thảo luận nhóm. | Tương đối tích cực phát biểu xây dựng bài, chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham gia thảo luận nhóm. Tuy nhiên chất lượng câu trả lời, bài chuẩn bị ở nhà không cao, tham gia vào hoạt động nhóm không hiệu quả. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng bài và chuẩn bị bài ở nhà. Không tham gia vào thảo luận nhóm. | Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu và chuẩn bị bài ở nhà. Không tham gia thảo luận nhóm. Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học. |

### Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

| TIÊU CHÍ  | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10)   | KHÁ (7,0-8,4)  | TRUNG BÌNH (5,5-6,9)   | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)   | KÉM <4,0   |
|---|--------------|--|--|--|--|--|
| Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn học vào thực tiễn đời sống | 100          | Hiểu trên 85% kiến thức nền tảng của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư. Vận dụng thành thạo các kiến thức đó vào thực tiễn đời sống. | Hiểu 70% đến 84% vững những kiến thức nền tảng của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư. Vận dụng tương đối thành thạo các kiến thức đó vào thực tiễn đời sống. | Hiểu 55% đến 69% kiến thức nền tảng của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư. Có khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn đời sống. | Hiểu được 40% đến 54% kiến thức nền tảng của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư. Khả năng vận dụng các kiến thức đó vào thực tiễn đời sống. | Hiểu dưới 40% kiến thức nền tảng của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức đó thực tiễn đời sống. |

### Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ

| TIÊU CHÍ  | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10)  | KHÁ (7,0-8,4)  | TRUNG BÌNH (5,5-6,9)   | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)  | KÉM <4,0  |
|---|--------------|---|--|--|---|---|
| Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn học vào thực tiễn đời sống | 100          | Hiểu trên 85% những kiến thức nền tảng của môn học. Vận dụng thành thạo các kiến thức của môn vào | Hiểu 70% đến 84% những kiến thức nền tảng của môn học. Vận dụng tương đối thành thạo các kiến thức của môn vào | Hiểu 55% đến 69% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng | Hiểu 40% đến 54% một số kiến thức nền tảng của môn học. Khả năng vận dụng các | Hiểu dưới 40% kiến thức nền tảng của môn học. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của |

|  |  |                    |                    |  |   |                            |
|--|--|--------------------|--------------------|--|---|----------------------------|
|  |  | thực tiễn đời sống | thực tiễn đời sống | vận dụng kiến thức của môn học vào trong thực tiễn đời sống. | kiến thức của môn học vào trong thực tiễn đời sống. | môn vào thực tiễn đời sống |
|--|--|--------------------|--------------------|--|---|----------------------------|

### VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*Sách giáo trình/Bài giảng:*

[1] Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Bộ giáo dục và đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, năm 2016.

*Tài liệu tham khảo khác:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình môn Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2008.

5. Hoàng Chí Bảo, *Giá trị bền vững và sức sống của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội 2012.

## IX. Nội dung chi tiết của học phần :

| Nội dung  | CĐR chi tiết   | Hoạt động dạy và học   | Hoạt động đánh giá   | CĐR học phần                                       |
|---|--|--|--|--|
| <b>Phần thứ hai: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA</b>  |  |  |  |  |
| <p><b>CHƯƠNG IV : HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ</b></p> <p><b>4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá</b></p> <p>4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá</p> <p>4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá</p> <p><b>4.2. Hàng hoá</b></p> <p>4.2.1. Hàng hoá và hai thuộc tính hàng hoá</p> <p>4.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá</p> <p>4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá</p> <p><b>4.3. Tiền tệ</b></p> <p>4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ</p> <p>4.3.2. Các chức năng của tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ</p> <p><b>4.4. Quy luật giá trị</b></p> <p>4.4.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị</p> <p>4.4.2. Tác động của quy luật giá trị</p> | <p>-Hiểu được điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá.</p> <p>- Sinh viên phân tích được hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá, lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến nó.</p> <p>- Sinh viên trình bày được lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ, các chức năng và quy luật lưu thông tiền tệ.</p> <p>- Sinh viên hiểu được nội dung và</p> | <p>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp.</p> <p>- Hoạt động học</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm.</p> | <p>- Chuyên cần R1.</p> <p>- Thi giữa kỳ R2</p> <p>- Thi cuối kỳ R3.</p> | <p>K1,<br/>K6,<br/>K7,<br/>K8,<br/>K9,<br/>K10</p> |



|   |   |  |   |  |
|---|---|--|---|--|
|   | <p>yêu cầu của quy luật giá trị, tác động của quy luật giá trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên vận dụng kiến thức chương IV vào trong đời sống.</li> </ul>  |  |   |  |
| <p><b>CHƯƠNG V : HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ</b></p> <p><b>5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản</b></p> <p>5.1.1. Công thức chung của tư bản</p> <p>5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản</p> <p>5.1.3. Hàng hoá sức lao động</p> <p><b>5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư</b></p> <p>5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư</p> <p>5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến</p> <p>5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư</p> <p>5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư</p> <p>5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản</p> <p><b>5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản</b></p> <p>5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên phân tích được công thức chung của tư bản, mâu thuẫn của công thức chung và hàng hóa sức lao động.</li> <li>- Sinh viên hiểu được quá trình sản xuất giá trị thặng dư.</li> <li>- Sinh viên biết được bản chất kinh tế của tiền công, hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB và tiền công danh nghĩa, tiền công thực tế.</li> <li>- Sinh viên biết được quá trình tích lũy tư bản, quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</li> <li>- Hoạt động học <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe giảng</li> <li>+ Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp</li> <li>+ Tham gia thảo luận nhóm.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần R1.</li> <li>- Thi giữa kỳ R2</li> <li>- Thi cuối kỳ R3.</li> </ul> | <p>K1,<br/>K6,<br/>K7,<br/>K8,<br/>K9,<br/>K10</p> |

|  |   |   |  |                            |
|--|---|---|--|----------------------------|
| <p>5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế</p> <p><b>5.4. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản – tích lũy tư bản</b></p> <p>5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản</p> <p>5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản</p> <p>5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản</p> <p><b>5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư</b></p> <p>5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản</p> <p>5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội</p> <p>5.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản</p> <p><b>5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư</b></p> <p>5.6.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận</p> <p>5.6.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất</p> <p>5.6.3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản</p> | <p>- Sinh viên phân tích được các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.</p> <p>- Sinh viên vận dụng kiến thức chương IV vào trong đời sống.</p> |   |  |                            |
| <p><b>CHƯƠNG VI : HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC</b></p>  | <p>- Sinh viên biết được CNTBĐQ, CNTBĐQNN, CNTB ngày nay và những biểu hiện</p>   | <p>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</p> <p>- Hoạt động học</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm.</p> | <p>- Chuyên cần R1.</p> <p>- Thi cuối kỳ R3.</p> | <p>K2, K6, K7, K8, K9,</p> |

|  |   |  |  |     |
|--|---|--|--|-----|
| <p><b>6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền</b><br/> 6.1.1. Những nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền<br/> 6.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền<br/> 6.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p><b>6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</b><br/> 6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước<br/> 6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p><b>6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện mới của nó</b><br/> 6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền<br/> 6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước<br/> 6.3.3. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại</p> <p><b>6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản</b><br/> 6.4.1. Vai trò của chủ nghĩa tư</p> | <p>mới của nó.<br/> - Sinh viên phân tích được vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB</p> |  |  | K10 |
|--|---|--|--|-----|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
| <p>bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội</p> <p>6.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản</p> <p>6.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản</p>   |  |  |  |  |
| <b>PHẦN THỨ BA: LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</b>  |  |  |  |  |
| <p><b>CHƯƠNG VII: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</b></p> <p><b>7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</b></p> <p>7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p><b>7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</b></p> <p>7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó</p> <p>7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p><b>7.3. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</b></p> <p>7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự</p> | <p>- Sinh viên phân tích được giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những điều kiện khách quan và vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện SMLS của GCCN.</p> <p>- Sinh viên hiểu được cách mạng XHCN và nguyên nhân của nó</p> <p>- Sinh viên phân tích được mục tiêu, động lực và nội dung cách mạng XHCN.</p> <p>- Sinh viên trình bày được liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội</p> | <p>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</p> <p>- Hoạt động học</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Phát biểu/ chia sẻ ý kiến trên lớp</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm.</p> | <p>- Chuyên cần R1.</p> <p>- Thi cuối kỳ R3.</p> | <p>K3,<br/>K4,<br/>K6,<br/>K7,<br/>K8,<br/>K9,<br/>K10</p> |

|   |  |  |   |  |
|---|--|--|---|--|
| <p>xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa</p>   | <p>chủ nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên trình bày được xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội CSCN</li> <li>- Phân tích được các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội CSCN</li> <li>- Sinh viên vận dụng kiến thức của chương vào trong thực tiễn đời sống</li> </ul> |  |   |  |
| <p><b>CHƯƠNG VIII : NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</b></p> <p><b>8.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</b></p> <p>8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p><b>8.2. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</b></p> <p>8.2.1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>8.2.2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên phân tích được nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN.</li> <li>- Sinh viên trình bày được nền văn hóa XHCN</li> <li>- Sinh viên hiểu được vấn đề dân tộc và tôn giáo.</li> <li>- Vận dụng kiến thức của chương vào trong thực tiễn đời sống.</li> </ul>                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</li> <li>- Hoạt động học <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe giảng</li> <li>+ Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp</li> <li>+ Tham gia thảo luận nhóm.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần R1.</li> <li>- Thi cuối kỳ R3.</li> </ul> | <p>K5,<br/>K6,<br/>K7,<br/>K8,<br/>K9,<br/>K10</p> |

|   |  |   |  |  |
|---|--|---|--|--|
| <p>8.2.3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p><b>8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo</b></p> <p>8.3.1. Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</p> <p>8.3.2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo</p>   |  |   |  |  |
| <p><b>CHƯƠNG IX : CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG</b></p> <p><b>9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực</b></p> <p>9.1.1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới</p> <p>9.1.2. Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó</p> <p><b>9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết và nguyên nhân của nó</b></p> <p>9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết</p> <p>9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết</p> <p><b>9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội</b></p> <p>9.3.1. Chủ nghĩa tư bản - không phải là tương lai xã hội loài người</p> | <p>- Sinh viên trình bày được cuộc cách mạng tháng 10 Nga và sự ra đời của hệ thống của XHCN và những thành tựu của nó.</p> <p>- Sinh viên hiểu được sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết và nguyên nhân của nó.</p> <p>- Sinh viên đánh giá được triển vọng của CNXH</p> | <p>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</p> <p>- Hoạt động học</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm.</p> | <p>- Chuyên cần R1.</p> <p>- Thi cuối kỳ R3.</p> | <p>K5,<br/>K6,<br/>K7,<br/>K8,<br/>K9,<br/>K10</p> |

|   |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|
| 9.3.2. Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|

**X. Hình thức tổ chức dạy học :**

| Nội dung    | Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết) |         |           |           |        | Tổng |
|-------------|--|---------|-----------|-----------|--------|------|
|             | Lý thuyết                                | Bài tập | Thảo luận | Thực hành | Tự học |      |
| Chương IV   | 5  | 0       | 1         | 0         | 12     | 18   |
| Chương V    | 9  | 0       | 1         | 0         | 20     | 30   |
| Chương VI   | 5  | 0       | 1         | 0         | 12     | 18   |
| Chương VII  | 8  | 0       | 1         | 0         | 18     | 27   |
| Chương VIII | 8  | 0       | 1         | 0         | 18     | 27   |
| Chương IX   | 4  | 0       | 1         | 0         | 10     | 15   |
| Tổng        | 39                                       | 0       | 6         | 0         | 90     | 135  |

**XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Phòng học, thực hành: Máy tính kết nối mạng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: microphone, máy chiếu, bảng, phấn, giấy A4, giấy A0, giấy nhớ.

*Thái Nguyên, ngày 9 tháng 9 năm 2018*

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)